TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/KDTM-ST
Ngày: 04/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ;
2. Ông Danh Cư.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bạch Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1, địa chỉ: số 126 đường Lê Quyên, phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST-KDTM ngày 13/01/2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh) về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-KDTM ngày 07/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2025/QĐST-KDTM ngày 06/8/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP T

Địa chỉ: Số A đường LH, phường LH, quận Đ (nay là phường Đ), Thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Gia Đ – Chuyên viên XLN KHDN MN (vắng mặt) và ông Nguyễn Minh T1 – Chuyên viên XLN KHDN MN (có mặt). Là đại diện theo ủy quyền theo các Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2024 và ngày 26/11/2024.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Tập đoàn F

Địa chỉ: Số B đường HN, Phường M6, Quận T (nay là phường PĐ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Minh T2, sinh năm 1997, là Giám đốc, địa chỉ thường trú: Ấp M, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã PL, thành phố Cần Thơ). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số C đường ADV, phường AL, quận BT (nay là phường AL), Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T (sau đây viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Công ty TNHH Tập đoàn F (sau đây viết tắt là Công ty) đã vay vốn tại Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024, hạn mức cho vay là 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất sản phẩm khác từ plastic (chi tiết: thiết bị thụ tinh gia súc, thiết bị chăn nuôi).

Để thực hiện Hợp đồng nêu trên, các bên đã cùng xác lập các Khế ước nhận nợ như sau:

- Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024, số tiền giải ngân và nhận nợ 151.000.000đồng (một trăm năm mươi mốt triệu đồng), thời hạn cho vay và trả nợ 06 tháng với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024, số tiền giải ngân và nhận nợ 984.830.000đồng (chín trăm tám mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), thời hạn cho vay và trả nợ 06 tháng với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024, số tiền giải ngân và nhận nợ 863.362.500đồng (tám trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), thời hạn cho vay và trả nợ 06 tháng với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, các bên đã thống nhất ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23482/24/SME/BLCN-01 ngày 12/3/2024, bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản và không hủy ngang của ông Nguyễn Văn P (theo khoản 1 Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23482/24/SME/BLCN-01 ngày 12/3/2024). Khoản tín dụng cấp cho không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Ngân hàng đã giải ngân đúng theo các Khế ước nhận nợ nêu trên cho Công ty tổng cộng là 1.999.192.500đồng. Tuy nhiên, Công ty đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo điểm b khoản 6 Điều 1 của các Khế ước nhận nợ trên là phải trả tiền lãi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05 hằng tháng. Cụ thể Công ty đã vi phạm tại kỳ trả lãi vào ngày 05/8/2024. Ngân hàng căn cứ điểm b khoản 1 Điều 4 của Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK ngày 12/03/2024 để chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và xử lý nợ. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 5, căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 2 Phụ lục các thỏa thuận cụ thể về cho vay (Kèm theo Thỏa Thuận Khung số CLC-14359/5031652/TTK ký ngày 12/03/2024 giữa Ngân hàng và Công ty), Ngân hàng chuyển nợ quá hạn của khách hàng từ ngày 06/8/2024 và khách hàng phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất

chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn P phải có nghĩa vụ thanh toán hết toàn bộ số nợ còn nợ Ngân hàng theo khoản 1 Điều 2 và điểm a khoản 1 Điều 3 Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23482/24/SME/BLCN-01 ngày 12/3/2024.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty và ông Nguyễn Văn P để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 03/6/2025, Công ty đã thanh toán tổng cộng là 837.228.714đồng (bao gồm nợ gốc là 752.768.902đồng và nợ lãi là 84.459.812đồng) và còn phải thanh toán cho Ngân hàng các khoản như sau:

- Đối với Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024:

+ Số tiền đã thanh toán: 6.647.691đồng trong đó nợ gốc là 0đồng và nợ lãi là 6.647.691đồng;

+ Số tiền còn nợ: 179.810.871đồng trong đó nợ gốc là 151.000.000đồng, nợ lãi trong hạn là 1.850.468đồng, nợ lãi quá hạn là 26.807.296đồng, nợ lãi chậm trả là 153.107đồng.

- Đối với Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024:

+ Số tiền đã thanh toán: 40.979.276đồng trong đó nợ gốc là 0đồng và nợ lãi là 40.979.276đồng;

+ Số tiền còn nợ: 1.172.632.674đồng trong đó nợ gốc là 984.830.000đồng, nợ lãi trong hạn là 12.023.465đồng, nợ lãi quá hạn là 174.784.391đồng, nợ lãi chậm trả là 994.818đồng.

- Đối với Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024:

+ Số tiền đã thanh toán: 789.601.747đồng trong đó nợ gốc là 752.768.902đồng và nợ lãi là 36.832.845đồng;

+ Số tiền còn nợ: 213.928.544đồng trong đó nợ gốc là 110.593.598đồng, nợ lãi trong hạn là 10.556.915đồng, nợ lãi quá hạn là 91.904.555đồng, nợ lãi chậm trả là 873.476đồng.

Tổng cộng tính đến ngày 03/6/2025, Công ty còn nợ Ngân hàng 1.566.372.089đồng, bao gồm:

- Nợ gốc : 1.246.423.598đồng;
- Nợ lãi trong hạn : 24.430.848đồng;
- Nợ lãi quá hạn : 293.496.242đồng;
- Nợ lãi chậm trả : 2.021.401đồng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Công ty phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 03/6/2025 là 1.566.372.089đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 1.246.423.598đồng, nợ lãi trong hạn là 24.430.848đồng, nợ lãi quá hạn là 293.496.242đồng, nợ lãi chậm trả là 2.021.401đồng;

- Công ty tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng;

- Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Công ty phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng nhưng hiện tại ông đang trong hoàn cảnh phá sản, nợ nần khắp nơi nên chưa thể và chưa đủ khả năng để chi trả theo kế hoạch đề xuất của Ngân hàng.

Công ty được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và giấy triệu tập đương sự đến Tòa án làm việc nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là Ngân hàng có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

- Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty thanh toán một lần cho Công ty số tiền còn nợ tính đến ngày 04/9/2025 tổng cộng là 1.635.115.893đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 1.246.423.598đồng, nợ lãi trong hạn là 24.430.848đồng, nợ lãi quá hạn là 361.617.560đồng, nợ lãi chậm trả là 2.643.887đồng;

- Công ty phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thoả thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết;

- Trường hợp Công ty không thanh toán theo yêu cầu nêu trên thì ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Công ty được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng Công ty vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Ông Nguyễn Văn P được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu bị đơn là Công ty có địa chỉ trụ sở tại Số B đường HN, Phường M6, Quận T (nay là phường PĐ), Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Bị đơn là Công ty được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bị đơn là Công ty đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, Công ty đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2.1] Về hình thức của hợp đồng:

Công ty có ký với Ngân hàng Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024, Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK và Thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2024. Thực hiện hợp đồng và Thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2024, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

- Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024, số tiền giải ngân và nhận nợ 151.000.000đồng (một trăm năm mươi mốt triệu đồng), thời hạn cho vay và trả nợ 06 tháng với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024, số tiền giải ngân và nhận nợ 984.830.000đồng (chín trăm tám mươi bốn triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng), thời hạn cho vay và trả nợ 06 tháng với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

- Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024, số tiền giải ngân và nhận nợ 863.362.500đồng (tám trăm sáu mươi ba triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), thời hạn cho vay và trả nợ 06 tháng với lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản do các bên thỏa thuận trong hợp đồng và các khế ước nhận nợ đều đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 91, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 và Luật Giao dịch điện tử năm 2005. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy hợp đồng có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

Ông Nguyễn Văn P đã ký kết với Ngân hàng Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23482/24/SME/BLCN-01 ngày 12/3/2024 về việc bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của ông P đối với các văn kiện tín dụng bao gồm: Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024, Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK và các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng bảo lãnh. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản do các bên thỏa thuận trong hợp đồng đáp ứng đủ điều kiện chủ thể ký kết hợp đồng và phù hợp với nội dung quy định tại Điều 117, Điều 335 và Điều 366 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nội dung trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, do vậy hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi:

Căn cứ các Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024; Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024; Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024, các bên thỏa thuận thanh toán hết toàn bộ số nợ gốc một lần và thời hạn trả nợ gốc lần lượt là ngày 05/9/2024 và ngày 15/9/2024. Đến nay Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng cụ thể như sau:

- Đối với Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/03/2024: 6.647.691đồng trong đó nợ gốc là 0đồng và nợ lãi là 6.647.691đồng;

- Đối với Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024: Số tiền đã thanh toán: 40.979.276đồng trong đó nợ gốc là 0đồng và nợ lãi là 40.979.276đồng;

- Đối với Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024: Số tiền đã thanh toán: 789.601.747đồng trong đó nợ gốc là 752.768.902đồng và nợ lãi là 36.832.845đồng.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn P, các tài liệu có trong hồ sơ bao gồm: Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024; Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK; Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024; Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024; Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024; các Bảng tổng hợp dư nợ, có đủ cơ sở xác định Công ty còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 04/9/2025 là 1.635.115.893đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 1.246.423.598đồng, nợ lãi trong hạn là 24.430.848đồng, nợ lãi quá hạn là 361.617.560đồng, nợ lãi chậm trả là 2.643.887đồng.

Như vậy, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc cho Ngân hàng. Việc Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ gốc còn nợ theo các khế ước nhận nợ nêu trên tổng cộng là 1.246.423.598đồng là phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Việc Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả nợ gốc cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các khế ước nhận nợ thì các đương sự thỏa thuận về lãi suất trong hạn như sau:

- Đối với Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm;

- Đối với Khế ước nhận nợ số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm;

- Đối với Khế ước nhận nợ số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 14.00%/năm và điều chỉnh lãi suất là 1 tháng/lần tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9.00%/năm.

Căn cứ Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024 và Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất chiết khấu trong hạn tại thời điểm gia hạn và lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất chiết khấu trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm.

Xét thỏa thuận về lãi suất nêu trên của các bên là phù hợp với quy định của Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở được chấp nhận.

Tại các khế ước nhận nợ nêu trên, các bên thỏa thuận trả tiền lãi cho Ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05 (kỳ trả nợ lãi), kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào

ngày 05/4/2024. Tuy nhiên, Công ty đã không trả đầy đủ tiền lãi cho Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên.

Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi. Do đó, Ngân hàng đã thông báo đến Công ty đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 05/8/2024 và đã chuyển nợ quá hạn, tính lãi suất quá hạn kể từ thời điểm này là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024 và Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK.

Như vậy, Ngân hàng yêu cầu Công ty phải thanh toán nợ lãi tính đến ngày 04/9/2025, nợ lãi trong hạn là 24.430.848đồng, nợ lãi quá hạn là 361.617.560đồng, nợ lãi chậm trả là 2.643.887đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng đã ký kết, theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu Công ty phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 trên số tiền nợ chưa trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên có cơ sở chấp nhận.

Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Văn P đã ký Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-23482/24/SME/BLCN-01 ngày 12/3/2024 về việc cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được xác lập giữa Công ty với Ngân hàng và bên liên quan khác (nếu có), trong đó bao gồm Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024 và Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK. Xét hợp đồng bảo lãnh được ký kết đúng quy định pháp luật nên Ngân hàng yêu cầu ông P phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nên bị đơn có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 117, Điều 335 và Điều 366 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP T.

Buộc Công ty TNHH Tập đoàn F thanh toán cho Ngân hàng TMCP T số tiền còn nợ là 1.635.115.893đồng (một tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười lăm ngàn tám trăm chín mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 1.246.423.598đồng (một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi ba ngàn năm trăm chín mươi tám đồng), nợ lãi trong hạn là 24.430.848đồng (hai mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 361.617.560đồng (ba trăm sáu mươi mốt triệu sáu trăm mười bảy ngàn năm trăm sáu mươi đồng), nợ lãi chậm trả là 2.643.887đồng (hai triệu sáu trăm bốn bốn mươi ba ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng) theo Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024, Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK, Thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2024, các Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024, số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024 và số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024.

Kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ, Công ty TNHH Tập đoàn F phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền phải thi hành tương ứng theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024, Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK, Thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2024, các Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024, số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024 và số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024.

Trường hợp Công ty TNHH Tập đoàn F không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ theo Hợp đồng cho vay số CLC-14359-01 ngày 12/3/2024, Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-14359/5031652/TTK, Thỏa thuận sử dụng hệ thống tự động trong lập, gửi, giao kết hợp đồng tín dụng ngày 12/3/2024, các Khế ước nhận nợ số 130324-5031652-ONL-10 ngày 13/3/2024, số 200324-5031652-ONL-11 ngày 20/3/2024 và số 220324-5031652-ONL-12 ngày 22/3/2024 thì bên bảo lãnh là ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH

Tập đoàn F đối với số nợ mà Công ty TNHH Tập đoàn F còn phải trả cho Ngân hàng TMCP T.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH Tập đoàn F phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 61.053.477đồng (sáu mươi mốt triệu không trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 37.441.032đồng (ba mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi mốt ngàn không trăm ba mươi hai đồng) theo Biên lai số 0031056 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH Tập đoàn F và ông Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10 – TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Yến